

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2017/HNGĐ-ST;**

Ngày: **14-7-2017.**

Vv tranh chấp: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Trang;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phúc Viễn;**

2. Bà **Dương Hiền Huệ.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Dương Văn Nguyễn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2017/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **TRẦN THỊ L**, sinh năm 1969;

Trú tại: ấp T, xã X, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **NGUYỄN VĂN H**, sinh năm 1973;

Trú tại: ấp T, xã X, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C;

Địa chỉ: Ô 4, khu 1, thị trấn C, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Từ M**, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện Chợ Gạo.

- Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981;

Trú tại: số 151B, Ô 2, khu 2, thị trấn C, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- **Nguyễn Thị Bích O**, sinh năm 1996;

- **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1998;

- **Nguyễn Huy H**, sinh năm 2001;

Đại diện theo pháp luật của H: **Trần Thị**, sinh năm 1969;

Cùng trú tại: ấp T, xã X, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Người làm chứng: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1960;

Trú tại: ấp T, xã X, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L, anh H và anh M có mặt

Anh A, chị O, chị N, ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 03 tháng 01 năm 2017 và các lời trình bày tại Tòa, nguyên đơn chị **Trần Thị L** trình bày:

Chị và anh **Trần Văn H** tự nguyện cưới nhau vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Sau khi cưới đời sống vợ chồng của anh chị không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có tình nhân bên ngoài, thường xuyên bỏ nhà đi, khi về nhà thì kiếm chuyện gây gổ, đập phá đồ đạc trong nhà. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung tên **Nguyễn Thị Bích O**, sinh ngày 13/10/1996; **Nguyễn Thị Bích N**, sinh ngày 20/5/1998 và cháu **Nguyễn Huy H**, sinh ngày 13/8/2001. Hiện cháu O và cháu N đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu H hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu H và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: gồm có một phần đất có diện tích 62 m² thuộc thửa số 1209, tờ bản đồ số TNC, đất được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp cho anh **Nguyễn Văn H** ngày 25/8/2006.

Khi ly hôn, chị yêu cầu chia đôi thửa đất trên, chị xin nhận bằng hiện vật. Trên đất còn có một căn nhà tạm, chị L không có tranh chấp. Nếu chị được chia phần đất như chị yêu cầu, chị sẽ tự tháo dỡ căn nhà sang phần đất mà chị được chia. Ngoài ra, chị không có tranh chấp tài sản nào khác.

Về nợ chung: không có

* Tại các biên bản ghi lời khai ngày 14/02/2017, ngày 13/4/2017 và ngày 14/4/2017, bị đơn anh **Nguyễn Văn H** trình bày: Anh và chị L tự nguyện cưới nhau vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Sau khi cưới, đời sống vợ chồng của anh chị vẫn hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không khắc phục được. Nay chị L có yêu cầu xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L. Anh và chị L có 03 con chung gồm: Nguyễn Thị Bích O, sinh ngày 13/10/1996; Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 20/5/1998 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/8/2001. Hiện cháu O và cháu N đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh để cháu H sống với chị L, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm có 01 thửa đất có diện tích 62 m², thửa số 1209, tờ bản đồ số TNC, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00348 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp cho anh Nguyễn Văn H ngày 25/8/2006.

Khi ly hôn, anh yêu cầu chia đôi thửa đất trên. Anh yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Đối với căn nhà tạm trên đất anh không yêu cầu Tòa giải quyết. Anh yêu cầu chị L tháo dỡ căn nhà sang phần đất mà chị L được chia. Ngoài ra, anh không tranh chấp tài sản nào khác.

Về nợ chung: Nợ Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C số tiền là 23.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh tự nguyện trả toàn bộ số tiền 23.000.000 đồng cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện Chợ Gạo. Anh xin được trả theo kỳ hạn trong phần phê duyệt của ngân hàng theo giấy đề nghị vay vốn.

Ngoài ra, anh có vay của anh Nguyễn Hoàng A số tiền là 3.000.000 đồng và anh cầm cho anh A (tên thường gọi là Tám T) giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1209, diện tích 62 m², tờ bản đồ số TNC, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00348 do UBND huyện Chợ Gạo cấp cho anh Nguyễn Văn H ngày 25/8/2006. Đối với số tiền 3.000.000 đồng mà anh đã vay của anh A thì anh không yêu cầu chị L trả số tiền này.

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 28/3/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C trình bày:

Ông Nguyễn Văn H có đứng tên vay vốn của Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C số tiền 23.000.000 đồng gồm 02 mã món vay ở 02 chương trình “Nước sạch về sinh môi trường” và “Hộ cận nghèo” mã 6600000706352814 số tiền 6.000.000 đồng, theo mã 6600000708771436 số tiền 17.000.000 đồng. Bà Trần Thị L ký tên với tư cách là vợ (thừa kế). Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị L chưa trả nợ tiền vay.

Theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng thời hạn vay là 60 tháng chia làm 10 lần trả, kỳ hạn trả 06 tháng/lần. Đến nay ông H đã trễ hạn 02 kỳ chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận hợp đồng.

Nay Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị L hoàn trả tất nợ gốc và lãi tiền vay cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C số tiền 23.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi là 953.680 đồng (tạm tính đến ngày 20/4/2017). Nếu sau ngày 20/4/2017, ông H và bà L không trả nợ thì ông H và bà L phải chịu tiền lãi phát sinh đến ngày trả nợ.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/5/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng A trình bày:

Vào năm 2015, anh có cho anh Nguyễn Văn H mượn số tiền là 3.000.000 đồng để chữa bệnh. Khi mượn tiền, anh H có đưa cho anh một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh H để làm tin. Khi mượn tiền, anh H cam kết 01 tháng sau sẽ trả tiền cho anh nhưng đến nay anh H vẫn chưa trả tiền cho anh. Khi nào, anh H trả tiền cho anh thì anh sẽ trả giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho anh H. Anh không khởi kiện tại Tòa và cũng không đến tòa. Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

* Tại bản tự khai ngày 24/4/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích O trình bày: Hiện tại chị đang sống trong căn nhà có diện tích 62 m² của ông H và bà L. Chị không có bất cứ ý kiến tranh chấp gì về mảnh đất trên.

* Tại bản tự khai ngày 24/4/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích N trình bày: Hiện tại chị đang sống trong căn nhà có diện tích 62 m² của ông H và bà L. Chị không có bất cứ ý kiến tranh chấp gì về mảnh đất trên.

* Tại bản tự khai ngày 24/4/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Huy H trình bày: Khi cha mẹ anh ly hôn. Anh muốn sống với mẹ vì mẹ anh lo cho anh đầy đủ và sống với mẹ tốt hơn. Hiện tại, anh đang sống trong căn nhà mà cha mẹ đang tranh chấp. Anh không có tranh chấp và cũng không có ý kiến gì.

* Tại biên bản ghi lời khai, người làm chứng Nguyễn Văn T trình bày: Vào khoảng năm 2005-2006, bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn H có làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C để sửa chữa nhà. Sau đó, ông H và bà L đến hạn trả nợ thì trả nợ và vay lại với số tiền tăng dần, đến năm 2015 vay số tiền 6.000.000 đồng để làm nhà vệ sinh, đến năm 2016 vay số tiền 17.000.000 đồng. Lúc này hồ sơ gốc đã có rồi nên Ngân hàng chính sách xã hội huyện C dựa vào đó cho vay tiếp mà không cần người thừa kế ký tên. Khi ông H vay số tiền 17.000.000 đồng thì bà L không đồng ý vay. Theo ông được biết, ông H vay số trên để mua xe gắn máy và trả nợ khoản vay trước đó. Khi ông H vay tiền bà L có đến gặp ông và nói rằng bà không đồng ý vay, ông H vay thì tự trả không liên quan đến bà. Khi ông H vay tiền thì ông H và bà L đã sống ly thân. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng, chị L và anh H đều thống nhất thuận tình ly hôn và thống nhất việc giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị L và anh H tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Chợ Gạo cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 184/2004, là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C yêu cầu anh H và chị L trả số tiền vay là 23.000.000 đồng và tiền lãi nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Thị Bích O, Nguyễn Thị Bích N và người làm chứng Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản

1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A, chị O, chị N và ông T.

Tại phiên tòa, chị L và anh H đều thống nhất thuận tình ly hôn. Anh chị thống nhất giao cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/8/2001 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, anh chị thống nhất chia đôi quyền sử dụng thửa đất số 1209, tờ bản đồ số TNC, diện tích 62 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00348 do UBND huyện Chợ Gạo cấp cho anh Lê Văn H ngày 28/5/2006. Anh H và chị L thống nhất chia cho chị L ½ diện tích đất thuộc thửa đất số 1209, đất có vị trí giáp với đất của ông Đỗ Kim Q. Anh chị không tranh chấp căn nhà xây trên đất và không tranh chấp các tài sản khác. Xét sự thỏa thuận của chị L và anh H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh H về việc thuận tình ly hôn, về con chung và tài sản chung.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 28 tháng 3 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C yêu cầu anh H và chị L trả cho Ngân hàng số tiền là 23.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị L. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C chỉ yêu cầu anh H trả cho Ngân hàng số tiền là 23.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi phát sinh đến ngày tòa xét xử là 1.278.560 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C về việc yêu cầu bà L trả tiền cho Ngân hàng.

Phía anh H và đại diện theo pháp luật của Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C thống nhất là anh H có nghĩa vụ trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C số tiền vốn là 23.000.000 đồng tiền vốn và 1.278.560 đồng tiền lãi, trả một lần vào ngày 14/01/2018. Xét sự thỏa thuận của anh H và đại diện theo pháp luật của Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh H và đại diện của ngân hàng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng A không yêu cầu anh H trả cho anh số tiền 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Do chị L và anh H thuộc diện hộ cận nghèo và anh chị có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị L và anh H được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn H về các nội dung cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn H thống nhất thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị L và anh H thống nhất giao cháu cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 13/8/2001 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị L và anh H thống nhất:

+ Chia cho chị Trần Thị L được quyền sử dụng phần đất có diện tích 34,9 m² đất trong đó có 7,5 m² đất ONT và 27,4 m² đất CLN thuộc thửa số 1209, tờ bản đồ số TNC. Đất tọa lại ấp T, xã X, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Đất có vị trí như sau:

Phía tây giáp với đất của Đỗ Kim Q có số đo 9,59 m;

Phía đông giáp đất chia cho ông Nguyễn Văn H có số đo 9,86 m;

Phía nam giáp với đường nhựa T có số đo 3,55 m;

Phía bắc giáp với đất của Đỗ Kim Q có số đo 3,65 m.

(Có sơ đồ đất kèm theo)

+ Chia cho anh Nguyễn Văn H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 34,9 m² đất trong đó có 7,5 m² đất ONT và 27,4 m² đất CLN đất thuộc thửa số 1209, tờ bản đồ số TNC. Đất tọa lại ấp T, xã X, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Đất có vị trí như sau:

Phía tây giáp với đất chia cho bà Trần Thị L có số đo 9,86 m;

Phía đông giáp đất của bà Nguyễn Thị Đ có số đo 10,14 m;

Phía bắc giáp với đất của Đỗ Kim Q có số đo 3,45 m;

Phía nam giáp với đường nhựa T có số đo 3,55 m.

(Có sơ đồ đất kèm theo)

Chị L và anh H có nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C về việc yêu cầu chị L trả tiền cho ngân hàng.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C và anh Nguyễn Văn H như sau:

- Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính Sách Xã Hội huyện C số tiền vốn gốc là 23.000.000 đồng và tiền lãi là 1.278.560 đồng, tổng cộng là 24.278.560 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi đồng). Trả làm 01 lần vào ngày 14/01/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh H còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn đối với khoản vay theo chương trình “Nước sạch và vệ sinh môi trường và chương trình “Hộ cận nghèo”.

4. Về án phí: Hoàn lại cho chị Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000 đồng theo biên thu số 34833 và biên lai thu số 34832 ngày 12/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh TG ;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

MAI THỊ MỸ TRANG

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Chợ Gạo;

